



Original Article

## The Application of Teaching Methods at VNU School of Law

Mai Hai Dang\*, Pham Hong Thai

*VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 12 April 2021

Revised 11 September 2021; Accepted 22 September 2021

**Abstract:** This study examines the current situation of applying teaching methods and its effectiveness of these methods at VNU School of Law. The research was carried out in 2020-2021 using quantitative method with questionnaires distributed to teachers and students at VNU School of Law. The two research questions were raised: 1) What are teaching methods applying at VNU School of Law? and 2) What are the effects of applying teaching methods at VNU School of Law? The data obtained in the study were analyzed by the software SPSS 20.0. The results of the analysis proved the effectiveness of applying teaching methods at VNU School of Law. Teachers have actively innovated teaching methods to ensure teaching goals and students have made great efforts, acquired knowledge, skills. As a result, students have enhanced the self-discipline, initiative and creative in the process of studying and researching. Based on the research findings, some recommendations are proposed to improve the efficiency of the innovative teaching methods at VNU School of Law.

**Keywords:** teaching methods, application of teaching methods, innovative teaching methods, VNU School of Law.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [dangmh@vnu.edu.vn](mailto:dangmh@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4355>

# Thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Mai Hải Đăng\*, Phạm Hồng Thái

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 4 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 9 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 9 năm 2021

**Tóm tắt:** Bài viết này tìm hiểu thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học và hiệu quả khi áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Nghiên cứu được thực hiện trong năm học 2020-2021 bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, với việc khảo sát bằng phiếu hỏi đối với giảng viên, sinh viên Khoa Luật, ĐHQGHN. Hai câu hỏi nghiên cứu được đưa ra là: 1) Những phương pháp dạy học nào đang được áp dụng tại Khoa Luật, ĐHQGHN? 2) Hiệu quả khi áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN? Dữ liệu điều tra thu được tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích và xử lý. Kết quả khảo sát cho thấy các giảng viên Khoa Luật, ĐHQGHN đã chủ động, tích cực đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo được mục tiêu dạy học, sinh viên có nhiều nỗ lực, có được những kiến thức, kỹ năng, đồng thời đã phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu. Từ kết quả thu được tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN.

**Từ khóa:** Phương pháp dạy học, thực trạng áp dụng, đổi mới phương pháp dạy học, Khoa Luật, ĐHQGHN.

## 1. Đặt vấn đề

Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, theo đó một trong những nhiệm vụ chúng ta cần triển khai là: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi

mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học [1].

Trước xu hướng cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục đại học, các trường đại học buộc phải nghiên cứu để cải thiện chất lượng đào tạo. Một trong những nhân tố quyết định chất lượng đào tạo đó là phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học là một trong những nhân tố quan trọng và ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay. Trong thời gian

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: dangmh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4355>

qua, các giảng viên của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã chú trọng nhiều vào đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp dạy học, khuyến khích được sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo. Nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học và hiệu quả khi áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN.

Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội là trung tâm đào tạo, nghiên cứu luật uy tín và có truyền thống của đất nước với hơn 40 năm trưởng thành và phát triển, là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu luật uy tín hàng đầu của đất nước, địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao và là nơi hội tụ nhiều chuyên gia, nhà khoa học tâm huyết, khai phóng với mục tiêu đưa Khoa trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu về luật học ngang tầm khu vực, hội nhập quốc tế [2]. Hiện nay Khoa Luật, ĐHQGHN có các chương trình đào tạo ngành: Luật học; Luật Kinh doanh; Luật Thương mại Quốc tế; đào tạo chất lượng cao đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình đào tạo thứ hai (bằng kép) dành cho sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn và Khoa Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 2. Câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai trong năm học 2020-2021 bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, với việc khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 52 giảng viên Khoa Luật, ĐHQGHN. Hai câu hỏi nghiên cứu được đưa ra là: 1) Những phương pháp dạy học nào đang được áp dụng tại Khoa Luật, ĐHQGHN? 2) Hiệu quả khi áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN?

Bảng câu hỏi khảo sát giảng viên về thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN gồm 3 phần: Phần thứ nhất về hoạt động giảng dạy, gồm các câu hỏi về mức độ

áp dụng các phương pháp dạy học trên thang điểm Likert 5 mức (1 = chưa sử dụng; 2 = rất ít khi; 3 = thỉnh thoảng; 4 = thường xuyên; 5 = rất thường xuyên). Phần thứ hai về quan điểm của giảng viên về đổi mới phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN trên thang điểm Likert 5 mức (1 = hoàn toàn không cần thiết; 2 = không cần thiết; 3 = không có ý kiến; 4 = cần thiết; 5 = rất cần thiết). Phần thứ ba về sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN trên thang điểm Likert 5 mức (1 = hoàn toàn không đồng ý; 2 = không đồng ý; 3 = không có ý kiến; 4 = đồng ý; 5 = hoàn toàn đồng ý). Nhóm nghiên cứu đã gửi phiếu khảo sát đến các giảng viên cơ hữu Khoa Luật, ĐHQGHN. Dữ liệu điều tra thu được tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích và xử lý.

Để xác định hiệu quả của việc áp dụng các phương pháp dạy học, nhóm tác giả căn cứ vào: Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên hệ đại học chính quy thông qua phiếu khảo sát đánh giá học phần học kì, nhằm thu thập thêm thông tin phản hồi từ phía sinh viên về cách thức tổ chức thực hiện học phần, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá; kết quả nghiên cứu thực nghiệm về việc áp dụng phương pháp dạy học dự án tại Khoa Luật, ĐHQGHN và kết quả học tập của sinh viên năm học 2020-2021.

## 3. Một số vấn đề lý luận nền tảng

Phương pháp có thể hiểu là hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó [3]. Phương pháp cũng có thể hiểu là những kỹ thuật cụ thể dùng để thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, kỹ thuật lựa chọn công cụ thu thập số liệu nhằm giải quyết những nhiệm vụ nhất định. Phương pháp có một số đặc điểm cơ bản [4]:

- Tính mục tiêu là dấu hiệu cơ bản của phương pháp. Mục tiêu nào phương pháp ấy, phương pháp giúp con người thực hiện được mục tiêu của mình: nhận thức thế giới và cải tạo thế giới và qua đó tự cải tạo mình.

- Phương pháp có tính cấu trúc trên con đường đi tới mục tiêu con người phải thực hiện

một loạt các thao tác được sắp xếp theo một trình tự logic, có hệ thống, có kế hoạch.

- Phương pháp gắn liền với nội dung. Phương pháp thay đổi theo từng đối tượng nghiên cứu. Nội dung qui định phương pháp, nhưng bản thân phương pháp có tác dụng trở lại nội dung làm cho nội dung phát triển lên một bước mới.

Như vậy đối tượng nào, mục tiêu nào thì có phương pháp đó. Không có phương pháp vạn năng cho mọi đối tượng, cho mọi mục tiêu.

Có nhiều định nghĩa về phương pháp dạy học, tùy theo mục tiêu nghiên cứu mà các nhà nghiên cứu có những cách tiếp cận khác nhau, theo quan điểm của tác giả: Phương pháp dạy học có thể hiểu là những cách thức, đường hướng, hay phương hướng hành động để giải quyết vấn đề nhận thức của người học nhằm đạt được mục tiêu dạy học.

Benjamin Samuel Bloom đã đưa ra 3 lĩnh vực của mục tiêu dạy học là: nhận thức, thái độ và kỹ năng thao tác [5].

Trong lĩnh vực nhận thức, Bloom đã đưa ra thang mô tả về hoạt động học tập gồm 6 cấp độ, được sắp xếp theo mức độ hoạt động tư duy từ đơn giản đến phức tạp: 1. Biết; 2. Hiểu; 3. Vận dụng; 4. Phân tích; 5. Tổng hợp; 6. Đánh giá [6]. Nhận thấy thang trên chưa thật sự hoàn chỉnh, Lorin Anderson, một học trò của Benjamin Bloom, đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh như sau: 1. Nhớ; 2. Hiểu; 3. Vận dụng; 4. Phân tích; 5. Đánh giá; 6. Sáng tạo [7]. Có ba sự thay đổi đáng lưu ý trong sự điều chỉnh này so với Thang Bloom: cấp độ tư duy thấp nhất là Nhớ thay vì Biết, cấp Tổng hợp được bỏ đi và đưa thêm Sáng tạo vào mức cao nhất, các danh động từ được thay cho các danh từ.

Trong lĩnh vực về tình cảm thái độ, liên quan đến các mục đích thuộc về hứng thú, các thái độ và giá trị, bao gồm 5 mức độ sau đây: 1. Tiếp thu; 2. Đáp ứng; 3. Hình thành giá trị; 4. Tổ chức; 5. Đặc trưng hoá bởi một tập hợp giá trị [8].

Trong lĩnh vực kỹ năng thao tác, liên quan đến các kỹ năng thao tác chân tay, dùng đến cơ bắp hoặc những sự đáp ứng vận động hoặc đòi hỏi có sự phối hợp giữa cơ bắp và hệ thần kinh, bao gồm 5 mức độ

sau: 1. Bắt chước; 2. Thao tác; 3. Làm chuẩn xác; 4. Liên kết; 5. Tự nhiên hoá.

Mục tiêu cơ bản của học tập các môn học thuộc chương trình đào tạo cử nhân luật tại Khoa Luật, ĐHQGHN là [9]:

i) Về kiến thức, có kiến thức, tư duy pháp luật nền tảng, có các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, xây dựng, thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn; trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản và toàn diện về hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế;

ii) Về kỹ năng, sau khoá học, cử nhân luật học có thể thu nhận được kỹ năng giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng xã hội dưới góc độ pháp lý; kỹ năng xây dựng, đọc, hiểu và thực hiện các văn bản pháp luật.

iii) Về thái độ, có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, đặc biệt là thái độ trung thực, có trách nhiệm, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội.

#### **4. Thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học và hiệu quả áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội**

##### *4.1. Thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội*

Để tìm hiểu thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với toàn bộ giảng viên cơ hữu Khoa Luật, ĐHQGHN. Số lượng phiếu khảo sát phát ra 67, số phiếu thu về 52, trong đó có 29 nam chiếm 55,8% và 23 nữ chiếm 44,2%; gồm 25 giảng viên, 07 giảng viên chính, 20 giảng viên cao cấp. Bảng thống kê dưới đây cho thấy thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học và sự cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN.

Bảng 1. Bảng thống kê miêu tả thực trạng áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nội dung	Số lượng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình cộng	Độ lệch chuẩn
Phương pháp Thuyết giảng	52	3	5	3.94	.366
Phương pháp Thảo luận nhóm	52	3	5	3.98	.671
Phương pháp Nghiên cứu trường hợp	52	2	4	2.96	.656
Phương pháp Dạy học kết hợp	52	1	3	2.42	.696
Phương pháp Dạy học dự án	52	1	3	1.06	.308
Sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.	52	4	5	4.54	.503
Đổi mới phương pháp dạy học cần hỗ trợ từ Đại học Quốc gia Hà Nội.	52	3	5	4.04	.559
Số lượng biến hợp lệ (listwise)	52				

Bảng 2. Bảng thống kê tần số thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nội dung		Chức danh							
		Giảng viên		Giảng viên chính		Giảng viên cao cấp		Tổng	
		Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm %
Phương pháp Thuyết giảng	Thỉnh thoảng	2	8.0%	0	0.0%	3	15.0%	5	9.6%
	Thường xuyên	22	88.0%	7	100.0%	16	80.0%	45	86.5%
	Rất thường xuyên	1	4.0%	0	0.0%	1	5.0%	2	3.8%
Phương pháp Thảo luận nhóm	Thỉnh thoảng	8	32.0%	1	14.3%	3	15.0%	12	23.1%
	Thường xuyên	14	56.0%	5	71.4%	10	50.0%	29	55.8%
	Rất thường xuyên	3	12.0%	1	14.3%	7	35.0%	11	21.2%
Phương pháp Nghiên cứu trường hợp	Rất ít khi	6	24.0%	2	28.6%	4	20.0%	12	23.1%
	Thỉnh thoảng	15	60.0%	3	42.9%	12	60.0%	30	57.7%
	Thường xuyên	4	16.0%	2	28.6%	4	20.0%	10	19.2%
Phương pháp Dạy học kết hợp	Chưa sử dụng	2	8.0%	3	42.9%	1	5.0%	6	11.5%
	Rất ít khi	10	40.0%	2	28.6%	6	30.0%	18	34.6%
	Thỉnh thoảng	13	52.0%	2	28.6%	13	65.0%	28	53.8%
Phương pháp Dạy học dự án	Chưa sử dụng	24	96.0%	6	85.7%	20	100.0%	50	96.2%
	Rất ít khi	1	4.0%	0	0.0%	0	0.0%	1	1.9%
	Thỉnh thoảng	0	0.0%	1	14.3%	0	0.0%	1	1.9%
Sự cần thiết đổi mới	Cần thiết	12	48.0%	5	71.4%	7	35.0%	24	46.2%
	Rất cần thiết	13	52.0%	2	28.6%	13	65.0%	28	53.8%
Cần hỗ trợ từ Đại học Quốc gia Hà Nội.	Không có ý kiến	5	20.0%	1	14.3%	1	5.0%	7	13.5%
	Cần thiết	19	76.0%	5	71.4%	12	60.0%	36	69.2%
	Rất cần thiết	1	4.0%	1	14.3%	7	35.0%	9	17.3%

Bảng thống kê cho thấy, các phương pháp dạy học được các giảng viên Khoa Luật, ĐHQGHN: Đối với phương pháp thuyết giảng: 86,5% giảng viên thường xuyên áp dụng; 3,8% là rất thường xuyên; 9,6% thỉnh thoảng áp dụng. Đối với phương pháp thảo luận nhóm: 21,2% giảng viên rất thường xuyên áp dụng; 55,8% giảng viên thường xuyên áp dụng và 23,1% thỉnh thoảng áp dụng. Đối với phương pháp nghiên cứu trường hợp: 19,2% giảng viên thường xuyên áp dụng; 57,7% giảng viên thỉnh thoảng áp dụng và 23,1% ít khi áp dụng. Đối với phương pháp dạy học kết hợp: 11,5% giảng viên chưa sử dụng; 34,6% giảng viên rất ít khi sử dụng và 53,8% giảng viên thỉnh thoảng áp dụng. Đối với phương pháp dạy học dự án: 96,2% chưa sử dụng; 1,9% rất ít khi sử dụng và 1,9% thỉnh thoảng sử dụng. Một số phương pháp dạy học khác cũng được sử dụng, nhưng mức độ thường xuyên thấp hơn.

Kết quả khảo sát về sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN cho thấy giá trị trung bình lớn hơn 3 và độ lệch chuẩn không cao, chúng ta có thể suy ra đa phần những người được hỏi đều có quan điểm giống nhau, đều đồng ý với sự cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN (53,8% giảng viên trả lời rất cần thiết; 46,2% giảng viên cho là cần thiết) và đổi mới phương pháp dạy học cần hỗ trợ từ Đại học Quốc gia Hà Nội.

Một số giảng viên đã sử dụng các phương pháp dạy học mới như phương pháp dạy học dự án. Phương pháp dạy học dự án là phương pháp dạy học lấy sinh viên là trung tâm, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên tự lựa chọn giải quyết một vấn đề, lập kế hoạch giải quyết vấn đề đó với hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm. Các nhóm tự xác định mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện dự án, tham gia kiểm tra quá trình thực hiện và đánh giá kết quả. Kết quả là các sản phẩm cụ thể như mô hình, bức tranh hoặc bài thuyết trình theo sát chương trình học, có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành và tạo ra các sản phẩm cụ thể. Kết quả nghiên cứu của Mai Hải Đăng (2021) đã chỉ ra phương pháp dạy học dự án làm tăng hứng thú học tập của sinh viên, tăng sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, giữa

sinh viên với nhau, thúc đẩy sử dụng công nghệ thông tin, phát huy được tính sáng tạo, tự giác, chủ động, kích thích niềm đam mê của sinh viên. Phương pháp dạy học dự án làm thay đổi động cơ, thái độ học tập của sinh viên và có sự khác biệt đáng kể về động cơ, thái độ của các sinh viên khi áp dụng phương pháp dạy học dự án trong học phần Luật môi trường quốc tế tại Khoa Luật, ĐHQGHN so với phương pháp dạy học truyền thống.

#### 4.2. Hiệu quả áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Để xác định hiệu quả của việc áp dụng các phương pháp dạy học, nhóm tác giả căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên hệ đại học chính quy thông qua phiếu khảo sát đánh giá học phần học kì, nhằm thu thập thêm thông tin từ phía sinh viên về cách thức tổ chức thực hiện học phần, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá; kết quả nghiên cứu thực nghiệm về việc áp dụng phương pháp dạy học dự án tại Khoa Luật, ĐHQGHN và kết quả điểm số các học phần sinh viên đạt được trong năm học 2020 - 2021 (bảng 3).

Đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2019-2020 có trên 90% sinh viên cho rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên có hiệu quả, giúp sinh viên phát huy được tính độc lập, sáng tạo và phát triển tư duy phản biện; giảng viên có năng lực tổ chức, hướng dẫn và tư vấn hoạt động học cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập; giảng viên đảm bảo đủ thời lượng giảng dạy (số giờ quy định cho học phần và thời gian mỗi buổi học; có trên 89% sinh viên cho rằng giảng viên có trách nhiệm, nhiệt tình giảng dạy và tạo cơ hội để sinh viên chủ động tham gia vào quá trình học tập; giảng viên tạo được môi trường giảng dạy thân thiện, hướng đến người học và giúp người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập (bảng 4).

Đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2019-2020 có trên 90% sinh viên cho rằng giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu và các kĩ

năng hỗ trợ phục vụ học tập và học tập suốt đời; hoạt động giảng dạy của giảng viên có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên; hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; phương pháp giảng dạy của giảng viên khuyến khích được sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập; giảng viên lên lớp theo đúng kế hoạch

học tập của học phần; giảng viên thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong đề cương chi tiết học phần đã công bố; giảng viên hỗ trợ hiệu quả các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu; giảng viên ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy. Tuy nhiên, có 8.85% sinh viên không đồng tình với nhận định trên (bảng 5).

Bảng 3. Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học chính quy và văn bằng kép thông qua đánh giá học phần học kỳ I năm học 2019 - 2020 [10].

Câu hỏi	Nội dung đánh giá	Các mức đánh giá					Điểm qui đổi/thang điểm cao nhất 5 điểm	Tỷ lệ %
		Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)	Mức 2 (Cơ bản không đồng ý)	Mức 3 (Cơ bản đồng ý)	Mức 4 (Đồng ý)	Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)		
16	Phương pháp giảng dạy của giảng viên có hiệu quả, giúp bạn phát huy được tính độc lập, sáng tạo và phát triển tư duy phân biện	1.76	2.1	6.83	22.05	67.26	<b>4.51</b>	<b>90.19</b>
17	Giảng viên có trách nhiệm, nhiệt tình giảng dạy và tạo cơ hội để bạn chủ động tham gia vào quá trình học tập.	1.67	1.89	7.99	23.43	65.02	<b>4.48</b>	<b>89.65</b>
18	GV có năng lực tổ chức, hướng dẫn và tư vấn hoạt động học cho SV, giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập.	1.7	1.9	7.38	21.87	67.15	<b>4.51</b>	<b>90.17</b>
19	GV tạo được môi trường giảng dạy thân thiện, hướng đến người học và giúp người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập.	1.7	1.78	8.08	22.98	65.47	<b>4.49</b>	<b>89.75</b>
20	GV đảm bảo đủ thời lượng giảng dạy (số giờ quy định cho học phần và thời gian mỗi buổi học)	1.81	1.95	6.74	20.79	68.71	<b>4.53</b>	<b>90.53</b>

Bảng 4. Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học chính quy và văn bằng kép thông qua đánh giá học phần học kỳ II năm học 2019-2020 [11].

Câu hỏi	Nội dung đánh giá	Các mức đánh giá					Điểm quy đổi/thang điểm cao nhất 5 điểm	Tỷ lệ %
		Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)	Mức 2 (Cơ bản không đồng ý)	Mức 3 (Cơ bản đồng ý)	Mức 4 (Đồng ý)	Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)		
10.	Giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu và các kỹ năng hỗ trợ phục vụ học tập và học tập suốt đời	1.18	1.34	6.76	21.16	69.56	<b>4.57</b>	<b>91.32</b>
11.	Hoạt động giảng dạy của giảng viên có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên	1.12	1.44	7.37	21.09	68.98	<b>4.55</b>	<b>91.07</b>
12.	Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần	1.09	1.54	7.26	20.43	69.69	<b>4.56</b>	<b>91.22</b>
13.	Phương pháp giảng dạy của giảng viên khuyến khích được sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập	1.13	1.76	7.22	21.09	68.8	<b>4.55</b>	<b>90.93</b>
14.	Giảng viên lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần	1.14	1.52	7.58	21.18	68.59	<b>4.55</b>	<b>90.92</b>
15.	Giảng viên thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong đề cương chi tiết học phần đã công bố	1.36	1.57	6.2	19.73	71.14	<b>4.58</b>	<b>91.54</b>
16.	Giảng viên hỗ trợ hiệu quả các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu	1.24	1.75	7.08	20.73	69.21	<b>4.55</b>	<b>90.99</b>



Bảng 5. Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học chính quy và văn bằng kép thông qua đánh giá học phần học kỳ I năm học 2020-2021 [12].

Câu hỏi	Nội dung đánh giá	Các mức đánh giá					Điểm quy đổi/thang điểm cao nhất 5 điểm	Tỷ lệ %
		Mức 1 (Hoàn toàn không đồng ý)	Mức 2 (Cơ bản không đồng ý)	Mức 3 (Cơ bản đồng ý)	Mức 4 (Đồng ý)	Mức 5 (Hoàn toàn đồng ý)		
10.	Giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu và các kỹ năng bổ trợ phục vụ học tập và học tập suốt đời	1.02	1.48	7.17	20.25	70.07	4.57	91.37
11.	Hoạt động giảng dạy của giảng viên có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên	1	1.55	7.59	19.83	70.04	4.56	91.28
12.	Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần	1.16	1.36	6.97	18.12	72.4	4.59	91.85
13.	Phương pháp giảng dạy của giảng viên khuyến khích được sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập	1.15	1.63	7.18	19.06	70.99	4.57	91.43
14.	Giảng viên lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần	1.18	1.53	7.24	18.95	71.1	4.57	91.45
15.	Giảng viên thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong đề cương chi tiết học phần đã công bố	1.03	1.76	7.54	19.62	70.05	4.56	91.18
16.	Giảng viên hỗ trợ hiệu quả các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu	1.16	1.59	7.19	20.15	69.91	4.56	91.21

Đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên có 91.37% sinh viên cho rằng giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu và các kỹ năng bổ trợ phục vụ học tập và học tập suốt đời; 91.28% sinh viên cho rằng hoạt động giảng dạy của giảng viên có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng học

tập suốt đời của sinh viên; 91.43% sinh viên cho rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên khuyến khích được sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập; trên 90% sinh viên cho rằng giảng viên lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần; giảng dạy đầy đủ nội dung trong đề cương chi tiết học phần đã công bố; hỗ

trợ hiệu quả các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu. Tuy nhiên, có 8.85% sinh viên không đồng tình với nhận định trên.

Hiệu quả áp dụng các phương pháp dạy và sự nỗ lực học tập của sinh viên còn được thể hiện qua Kết quả nghiên cứu thực nghiệm về việc áp dụng phương pháp dạy học dự án tại Khoa Luật, ĐHQGHN [13]: Hầu hết sinh viên hài lòng khi được học theo phương pháp dạy học dự án và cảm thấy thú vị và rất có ý nghĩa khi học theo phương pháp này vì một số lý do sau: Được tự

chủ trong việc học tập của mình, tự do nghiên cứu những chủ đề mình yêu thích, nâng cao khả năng làm việc nhóm, khả năng thuyết trình, tích cực tham gia đặt câu hỏi, tranh luận với nhóm khác; phát triển khả năng ứng dụng công nghệ thông tin; phát triển khả năng tư duy sáng tạo, tìm tòi cái mới, phát triển các kỹ năng mềm vv...

Hiệu quả áp dụng các phương pháp dạy học và sự nỗ lực học tập của sinh viên còn được thể hiện qua kết quả học tập của sinh viên học kỳ II năm học 2019-2020 của ba khóa K62, K63, K64.

Bảng 6. Bảng thống kê miêu tả Kết quả các học phần K64 học kỳ II năm học 2019-2020 cụ thể như sau:

Mã học phần	Số lượng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
CAL3008	187	.7	9.2	7.047	1.0849
BSL2026	296	2	8	6.57	.775
THL 1058	430	2.7	9.2	7.210	1.1885
CAL 3007	312	2.1	9.3	6.931	1.1698
CIL2002	341	2.6	8.9	6.675	1.1425
CIL2010	81	3.4	9.5	7.219	1.0049
CAL2002	348	2.0	9.6	6.794	1.4287
CIL2004	16	3.1	9.0	6.831	1.5606
THL3006	32	6.0	9.3	7.934	.8849

Trong học kỳ II năm học 2019-2020, Khóa K64 có 9 học phần do các giảng viên Khoa Luật, ĐHQGHN đảm nhiệm. Kết quả trong bảng thống kê cho thấy điểm thấp nhất là 2,0 điểm cao nhất là 9,6 điểm. Có 5 học phần có điểm trung bình đạt từ 6,5 đến 7,0 (BSL2026=6,570; CAL

3007=6,931; CIL2002=6,675; CAL2002=9,974; CIL2004=6,831); 4 học phần có điểm trung bình đạt từ 7,0 trở lên (THL3006=7,934; CIL2010=7,291; THL 1058=7,210; CAL3008=7,041).

Bảng 7. Bảng thống kê miêu tả Kết quả các học phần K63 học kỳ II năm học 2019-2020 cụ thể như sau:

Mã học phần	Số lượng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
INL 2101	440	3	10	7.54	1.034
CAL1050	71	2.5	8.6	7.114	1.1391
THL 1058	36	3.2	8.6	6.906	1.1321
CAL 3007	96	3.0	9.6	7.807	.9343
CAL 3012	59	2.3	8.6	6.793	1.2264
BSL2008	99	2.7	9.3	7.353	.9804
CIL2002	285	2.8	9.3	7.497	.9410
CIL2010	112	3.0	9.6	7.483	1.1275
CAL2002	101	3.0	9.2	7.048	1.1858
CIL2004	191	3.0	9.0	7.030	1.1305
THL1053	152	2.2	9.2	7.253	1.3864
CRL1009	161	2.0	9.0	6.852	1.1630
CRL1010	324	2.5	9.7	7.053	1.3076

CAL3006	27	3.3	9.1	7.830	1.4636
BSL 1004	268	3.0	9.5	7.266	1.1355
BSL2001	146	2.8	9.5	7.247	1.3706
THL2001	17	2.8	9.2	7.088	1.8841
CIL 3001	24	4.0	9.2	7.850	1.1383
THL2002	55	3.2	10.0	7.682	1.2848
INL2006	58	3.8	10.0	7.938	1.0377

Trong học kỳ II năm học 2019-2020, Khóa K63 có 20 học phần do các giảng viên Khoa Luật, ĐHQGHN đảm nhiệm. Kết quả trong bảng thống kê cho thấy điểm thấp nhất là 2,0 điểm cao

nhất là 10 điểm. Chỉ có 3 học phần có điểm trung bình đạt từ 6,7 đến 7,0 (CRL1009=6,852; CAL 3012=6,793; THL 1058= 6,906); còn lại 13 học phần có điểm trung bình đạt từ 7,088 đến 7,938.

Bảng 8. Bảng thống kê miêu tả Kết quả các học phần K62 học kỳ II năm học 2019-2020 cụ thể như sau:

Mã học phần	Số lượng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
INL2008	61	3.2	9.1	8.336	.8472
INL 2101	75	5.8	8.8	7.795	.6559
CRL2011	74	4.8	9.3	7.466	1.0550
CIL2005	155	6	9	7.74	.759
BSL2026	108	3.4	9.2	7.106	1.0183
CAL1050	28	6	9	8.01	.705
CAL 3007	48	5.8	9.1	8.304	.6659
BSL2001	165	3.3	9.4	7.847	.8659
CIL2002	119	5.5	8.9	7.824	.5686
CIL2010	79	4.8	9.0	6.830	.8973
INL3003	195	6.2	9.5	8.643	.4336
CAL2002	73	2.4	8.7	7.234	1.0903
CIL2004	164	4.4	9.2	7.195	.9525
THL1053	224	3.4	9.3	7.529	1.1532
CRL1010	42	2.8	8.4	6.524	1.2382
CAL3006	61	5	8	6.93	.802
BSL 1004	145	3.0	9.3	8.023	.8471
CRL1003	9	6.2	9.5	7.878	1.1355
BSL2001	120	6.4	10.0	8.598	.6935
INL 2003	35	4.3	8.8	7.686	.9185
CIL3003	125	5.4	9.3	7.702	.7158
CRL2010	156	2.9	9.0	7.637	.8118
THL2001	40	3.2	9.2	7.373	1.2906
CIL 3002	228	2	10	8.58	.935
BSL 2010	163	5.4	10.0	7.944	.6622
CRL 3002	45	2.9	9.1	6.749	1.5867
THL2002	52	3	9	7.76	1.203
INL2006	81	5.2	9.2	7.980	.8273
CAL2003	17	5	10	7.88	1.421

Trong học kỳ II năm học 2019-2020, Khóa K62 có 29 học phần do các giảng viên Khoa Luật, ĐHQGHN đảm nhiệm. Kết quả trong bảng

thống kê cho thấy điểm thấp nhất là 2,0 điểm cao nhất là 10 điểm. Có 4 học phần có điểm trung bình đạt từ 6,7 đến 7,0 (CRL 3002=6,749;

CAL3006= 6,930; CRL1010=6,524; CIL2010=6,830); có 18 học phần có điểm trung bình đạt từ 7,0 đến 7,9; có 6 học phần có điểm trung bình đạt từ 8,01 đến 8,64 (CIL 3002=8,580; BSL2001=8598; BSL 1004=8,023; INL3003=8,643; CAL 3007=8,304; CAL1050=8,010; INL2008=8,336).

#### 4.3. Một số nhận xét về hoạt động giảng dạy tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ các số liệu phân tích trên và thông qua quá trình quan sát giảng dạy và trải nghiệm thực tế, chúng tôi có một số nhận định sau:

*Một là*, các giảng viên tại Khoa Luật, ĐHQGHN đã chủ động, tích cực đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo được mục tiêu dạy học, nhờ có sự nỗ lực học tập, sinh viên đã có được những kiến thức, kỹ năng, đồng thời đã phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu. Việc đổi mới phương pháp dạy học còn giúp giảng viên luôn nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm của mình phù hợp với tình hình mới.

*Hai là*, 100% giáo viên, lãnh đạo quản lý được khảo sát cho rằng việc đổi mới phương pháp dạy và học tại Khoa Luật, ĐHQGHN là cần thiết và cần phải có sự hỗ trợ từ Đại học Quốc gia Hà Nội. Việc áp dụng các phương pháp dạy học tại Khoa Luật, ĐHQGHN đã khuyến khích được sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, sinh viên nâng cao được các kỹ năng mềm; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình,...

*Ba là*, đổi mới phương pháp dạy học cần gắn liền với đổi mới việc kiểm tra, đánh giá; cần xây dựng qui chuẩn về kiểm tra, đánh giá đối với việc áp dụng các phương pháp dạy học mới cho phù hợp với thực tiễn giảng dạy.

## 5. Kết luận

Đổi mới phương pháp dạy học nhằm đạt được mục tiêu dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo là việc làm cần thiết và thường xuyên trong

các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là cơ sở đào tạo Luật. Thời gian qua, các giảng viên tại Khoa Luật, ĐHQGHN đã chủ động, tích cực đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo được mục tiêu dạy học, sinh viên cũng đã có nhiều nỗ lực, có được những kiến thức, kỹ năng, đồng thời đã phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu. Các phương pháp dạy học đã, đang được các giảng viên tại Khoa Luật, ĐHQGHN áp dụng đang chuyển từ chương trình học tiếp cận nội dung thành tiếp cận năng lực người học, chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng. Để việc đổi mới phương pháp dạy học được sâu rộng hơn nữa, ĐHQGHN cần sớm sửa đổi Quy chế tào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội theo hướng tăng quyền tự chủ cho giảng viên hơn nữa; cần tạo điều kiện hơn nữa để giảng viên thường xuyên được tham gia các lớp bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học. Một số giảng viên đã triển khai áp dụng phương pháp dạy học dự án đã có kết quả nhất định (phương pháp dạy học dự án) tạo ra được những thay đổi đáng kể trong quá trình dạy học. Khoa Luật, ĐHQGHN cần nghiên cứu triển khai áp dụng phương pháp dạy học dự án đối với các học phần khác tại Khoa Luật, ĐHQGHN

## Lời cảm ơn

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội với chủ đề “Nghiên cứu ứng dụng phương pháp dạy học dự án trong giảng dạy học phần Luật môi trường quốc tế tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội”, mã số QG.20.03 do TS. Mai Hải Đăng làm chủ nhiệm.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Nghị quyết Số: 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện

- kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- [2] <http://law.vnu.edu.vn/article-Gioi-thieu-Khoa-Luat-12609-1103.html>
- [3] Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ, NXB Đà Nẵng 2003, trang 793.
- [4] N. V. Tuấn, Tài liệu bài giảng Lý luận dạy đại học, Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, lưu hành nội bộ (2009), trang 46-47.
- [5] B. S. Bloom, Taxonomy of educational objectives, handbook I, Longmans, trang 7.
- [6] B. S. Bloom, Taxonomy of educational objectives, handbook I, Longmans, trang 18.
- [7] L. W. Anderson, and D. R. Krathwohl, , et al (Eds..) A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives. Allyn & Bacon. Boston, MA (Pearson Education Group), 2001, tr 28.
- [8] D. R. Krathwohl, B. S. Bloom, B. B Masia, Taxonomy of educational objectives: The classification of educational goals. Handbook II: Affective domain. New York: David McKay Co, (1964), tr 68.
- [9] Khung chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật, Ban hành kèm theo Quyết định số: 3021/QĐ-ĐHQGHN, ngày 26 tháng 09 năm 2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [10] Công văn số 176 /KL-KT&ĐBCLGD ngày 25 tháng 2 năm 2020 về việc thông báo Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học chính quy và văn bằng kép thông qua đánh giá học phần học kỳ I năm học 2019-2020.
- [11] Công văn số 930 /KL-KT&ĐBCLGD ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc thông báo Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học chính quy và văn bằng kép thông qua đánh giá học phần học kỳ II năm học 2019-2020.
- [12] Công văn số 220 /KL-KT&ĐBCLGD ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thông báo Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học chính quy và văn bằng kép thông qua đánh giá học phần học kỳ I năm học 2020-2021.
- [13] M. H. Đăng, Phương pháp dạy học dự án thúc đẩy động cơ và thái độ học tập của sinh viên, Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, Luật học, Tập 37, số 1, 2021, tr. 32-42.